

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông và thủ tục hành chính liên thông trong các lĩnh vực: Tài nguyên nước; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Khí tượng thủy văn; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 850/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Tờ trình số 870/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2026..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 09 thủ tục hành chính không liên thông và 04 thủ tục hành chính liên thông cấp tỉnh trong lĩnh vực Tài nguyên nước; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2026, Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026, Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên nước; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC^(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 09 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG
VÀ 04 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH TRONG CÁC LĨNH VỰC: TÀI NGUYÊN NƯỚC;
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN; KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____ / _____ / 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (09 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (03 TTHC)								
1	STT 01-II; Mục I, Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 28/7/2025	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất 1.004122	12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 3.2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày làm việc 3.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc .	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
2	STT 02-II; Mục I, Quyết định	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết hồ sơ: 02 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
	số 917/QĐ-UBND ngày 28/7/2025	nước dưới đất 2.001738			3.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 3.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc 3.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	quả: 0,5 ngày làm việc		17/6/2026
3	STT 04-II; Mục I, Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 28/7/2025	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất 1.012501	06 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết hồ sơ: 04 ngày làm việc, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 3.2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc 3.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (06 TTHC)								
4	STT 06-V- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn	06 ngày	1.1. Đối với Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản; Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản; Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản; Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản; Cơ sở kinh doanh thực				Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 10/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
	21/7/2025	thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001827		phẩm nông, lâm, thủy sản; Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối i- ốt..				
				0,25 ngày	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và thủy sản giải quyết: 05 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,125 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở : 0,25 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 0,5 ngày	0,25 ngày	
				1.2. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật; Cơ sở thu gom, sơ chế thực phẩm có nguồn gốc thực vật được thực hiện tại nơi trồng trọt				
				0,25 ngày	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật giải quyết: 05 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,125 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 0,5	0,25 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở : 0,25 ngày	ngày		
				1.3. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn (trại chăn nuôi gia cầm, trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi bò sữa, cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn); Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn; Cơ sở kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn; Chợ đầu mối, đấu giá có nguồn gốc động vật trên cạn; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ (bao gồm cơ sở giết mổ động vật tập trung); Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.				
	0,25 ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y giải quyết: 5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày	0,25 ngày				

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
					4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở : 0,25 ngày			
				1.4. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; Căng cá)				
			0,25 ngày	Chi cục Thủy sản giải quyết: 05 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Khai thác thủy sản phân công thụ lý: 0,125 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở : 0,25 ngày		Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 0,5 ngày	0,25 ngày	
				1.5. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (cơ sở nuôi trồng thủy sản)				
			0,25 ngày	Chi cục Thủy sản giải quyết: 05 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản phân công thụ lý: 0,125 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5		Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 0,5	0,25 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
					ngày 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở : 0,25 ngày	ngày		
5	STT 01-V- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 1.003111	17,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giải quyết: 16,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 15,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2361/QĐ-UBND, ngày 10/6/2026
6	STT 02-V- Quyết định số 819/QĐ-	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã	15 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giải quyết: 14 ngày làm việc,	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2361/QĐ-UBND, ngày

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
	UBND ngày 21/7/2025	được công nhận theo chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005 1.003082			cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 13,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở: 0,25 ngày làm việc	Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày làm việc		10/6/2026
7	STT 03-V- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 1.003058	17,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giải quyết : 16,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 15,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,25	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2361/QĐ-UBND, ngày 10/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, tra kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
					ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở: 0,25 ngày làm việc			
8	STT 04-V- Quyết định số 819/QĐ- UBND ngày 21/7/2025	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước 2.001254	17,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giải quyết : 16,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 15,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2361/QĐ- UBND ngày 10/6/2026
9	STT 05-V- Quyết định số 819/QĐ- UBND ngày 21/7/2025	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giải quyết: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2361/QĐ- UBND ngày 10/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh, xã, phường)	
		1.002996			chất lượng phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình Lãnh đạo Sở: 0,25 ngày làm việc	duyet: 0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng: 09 TTHC								

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (04 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (04 TTHC)						
1	-	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh	8,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và	Quyết định số 2419/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh) 1.000987			Môi trường.	UBND ngày 03/6/2026
				4,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	
				3,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 03 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
2	-	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000970	8,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 2419/QĐ- UBND ngày 03/6/2026
				4,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	
				3,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyet văn bản: 03 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
3	-	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000943	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 2419/QĐ- UBND ngày 03/6/2026
				1,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,25 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
				0,75 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyet văn bản: 0,5 ngày làm việc.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: 0,25 ngày làm việc.	
4	STT 1-II; Mục I, Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh 1.013861	06 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				3,25 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
				2,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 02 ngày làm việc 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
Tổng cộng: 04 TTHC						